

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Nghĩa**;

2. Ông **Nguyễn Văn Y**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Phụng Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Thị D**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: Ấp Thân Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Lê Quốc H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: Ấp Thân Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt chị D, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 30/5/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Võ Thị D** trình bày:*

Chị Võ Thị D và anh Lê Quốc H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND xã C, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/1999 ngày 26/7/1999. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống tương đối hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2019 – năm 2020 cho đến nay thì hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp.

Anh chị nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả. Hiện tại mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị D xin được ly hôn với anh Lê Quốc H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Quốc H1**, sinh ngày 09/06/2001 và **Lê Quốc K**, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung K, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi K. Đối với con chung H1 đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: Giải quyết theo luật định.

** Bị đơn **Lê Quốc H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Anh H cũng không nộp cho Tòa án văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của chị D.*

Tại phiên toà hôm nay

- Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh H.

- Anh H vẫn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp trình bày ý kiến:

+ *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không chấp hành và không tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn Lê Quốc H đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị D và anh Lê Quốc H xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/1999 ngày 26/7/1999.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D trình bày nguyên nhân chính chị quyết định ly hôn với anh H là vì anh H hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng dao đe dọa đến tính mạng của chị D; ngoài ra anh còn cờ bạc, dẫn đến mắc nợ nhiều người, nhiều nhất là 250.000.000đồng, chị đã hai lần trả nợ cho anh với số tiền 150.000.000đồng và 70.000.000đồng. Không thể khuyên anh H sửa đổi theo chiều hướng tốt hơn, nên vào tháng 10/2024 chị đã từng nộp đơn ly hôn anh H tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tuy nhiên sau đó chị D rút đơn để cả hai có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh H không thay đổi theo

chiều hướng tốt hơn. Đến nay, chị D cũng không còn tha thiết duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh H. Chị và anh H đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, cả hai đều có cuộc sống riêng, không còn can thiệp cuộc sống của nhau. Khi hai người ly thân, con chung Lê Quốc K do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Tại phiên tòa, chị D khẳng định đã hết tình cảm với anh H và kiên quyết ly hôn với anh, mong được Tòa án chấp nhận cho yêu cầu này của chị.

Đối với anh H, anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D, anh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham dự phiên hòa giải, tham dự phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị D, không cung cấp ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị D mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ theo luật định cho anh.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H như lời chị D trình bày có một phần phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 18/7/2025 (bút lục số 24).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn anh H của chị D là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung tên **Lê Quốc H1**, sinh ngày 09/6/2001 và **Lê Quốc K**, sinh ngày 11/12/2012. Xét, từ khi chị D và anh H ly thân thì con chung K sống cùng với chị D, được chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị D khi cha mẹ ly hôn. Bản thân chị D có công việc và thu nhập ổn định (bút lục 24). Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao Lê Quốc K cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở, được quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung H1 đã trưởng thành, lao động được nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung K do chị D chưa có yêu cầu.

[6] *Về tài sản chung*: Chị D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án, nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Chị D trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp là phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] *Về án phí*: Chị Võ Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị D đối với bị đơn Lê Quốc H.

- *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị D được ly hôn với anh Lê Quốc H.
- *Về con chung*: Có 02 con chung tên **Lê Quốc H1**, sinh ngày 09/06/2001 và **Lê Quốc K**, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn, giao con chung K cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

Đối với con chung H1: Không đặt ra xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung K.
- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí:

Chị Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cần trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000292 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo:

Chị Võ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV3 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu HSAV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI